KCX & CN TP.HCM

...C CÔNG NGHỆ &
...NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

...MH1104204

...10420401 **Số tín chỉ: 2**

...iảng dạy: Nguyễn Minh Luân - (04104)

...ày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	Anh	09/11/2004		8,5	Tám năm	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	Anh	30/11/2004		8,0	Tám không	C24TC1	
3	2210120024	Nguyễn Thị	Cẩm	19/09/2004		8,0	Tám không	C24TC2	
4	2210120029	Trần Thành	Đạt	24/04/2004		6,5	Sáu năm	C24TC2	
5	2210100015	Trần Thị Hồng	Hải	05/05/2003		7,0	Bảy không	C24TC1	
6	2210120019	Vương Quỳnh	Hoa	27/06/2004		8,5	Tám năm	C24TC1	
7	2210100123	Đặng Tấn	Huy	14/06/2004		7,0	Bảy không	C24TC1	
8	2210120015	Trần Tấn	Nam	14/04/2003		6,0	Sáu không	C24TC1	
9	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/03/2004		8,0	Tám không	C24TC1	
10	2210120022	Quách Thị Kim	Ngân	16/10/2004		8,0	Tám không	C24TC2	
11	2210120036	Phan Thị Hồng	Nhung	28/01/2004		7,0	Bảy không	C24TC2	
12	2210120009	Võ Thị Hồng	Nhung	06/12/2003		8,0	Tám không	C24TC1	
13	2210120016	Nguyễn Như	Phương	07/05/2001		9,0	Chín không	C24TC1	
14	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	Phương	29/03/2004		8,0	Tám không	C24TC2	
15	2210120049	Đỗ Ngọc	Quỳnh	27/12/2004		8,5	Tám năm	C24TC2	
16	2210120025	Hồ Bích	Quỳnh	12/07/2004		8,5	Tám năm	C24TC2	
17	2210120013	Trương Trúc	Quỳnh	26/08/2004		8,5	Tám năm	C24TC1	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến	Sương	27/12/2004		8,0	Tám không	C24TC1	
19	2210120035	Ngô Nhật Minh	Tân	27/10/2004		9,0	Chín không	C24TC2	
20	2210120040	Phạm Quốc	Thái	08/03/2003		8,0	Tám không	C24TC2	
21	2210120038	Nguyễn Phúc	Thông	09/08/2003		6,5	Sáu năm	C24TC2	
22	2210010041	Lê Ngọc	Thu	16/04/2004		8,5	Tám năm	C24TC1	
23	2210120046	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/09/2004		9,0	Chín không	C24TC2	
24	2210120014	Phạm Minh	Thư	26/08/2004		8,5	Tám năm	C24TC1	
25	2210120007	Trần Thị Thanh	Thư	23/10/2004		8,0	Tám không	C24TC1	
26	2210120018	Võ Ngọc Anh	Thư	15/09/2004		6,5	Sáu năm	C24TC1	
27	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	29/11/2003		8,0	Tám không	C24TC2	
28	2210120042	Hà Diễm	Trang	19/02/2004		7,0	Bảy không	C24TC2	
29	2210120033	Nguyễn Thị Kim	Trang	13/07/2004		8,0	Tám không	C24TC2	
30	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12/09/2004		8,5	Tám năm	C24TC2	
31	2210120030	Phan Thị Hoài	Trinh	09/10/2004		8,0	Tám không	C24TC2	
32	2210120031	Phan Thị Thanh	Tự	28/11/2004		7,0	Bảy không	C24TC2	
33	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	Yên	10/12/2004		8,0	Tám không	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 14:31 19/09/2023

Tổng số sinh viên dự thi : 33 **vắng thi:** 00 **. Số bài thi:** 33 / 33 .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____/_____ **Tỷ lệ đạt:** ____,____**%**

Ngày 7 *tháng* 9 *năm* 2023
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ Linh

Ngày 6 *tháng* 9 *năm* 2023
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn M Liên

TRƯ
KH

Ngày in: 14:31 19/09/2023

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THI VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204

Mã lớp học phần: MH110420401 **Số tín chỉ: 2**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Minh Luân - (04104)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	**Anh**	09/11/2004		7,2	Bảy hai	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	**Anh**	30/11/2004		6,8	Sáu tám	C24TC1	
3	2210120024	Nguyễn Thị	**Cẩm**	19/09/2004		6,0	Sáu không	C24TC2	
4	2210120029	Trần Thành	**Đạt**	24/04/2004		4,8	bốn tám	C24TC2	
5	2210100015	Trần Thị Hồng	**Hải**	05/05/2003		6,0	Sáu không	C24TC1	
6	2210120019	Vương Quỳnh	**Hoa**	27/06/2004		7,6	bảy sáu	C24TC1	
7	2210100123	Đặng Tấn	**Huy**	14/06/2004		7,6	bảy sáu	C24TC1	
8	2210120015	Trần Tấn	**Nam**	14/04/2003		6,0	Sáu không	C24TC1	
9	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	**Ngân**	18/03/2004		7,6	bảy sáu	C24TC1	
10	2210120022	Quách Thị Kim	**Ngân**	16/10/2004		8,4	Tám bốn	C24TC2	
11	2210120036	Phan Thị Hồng	**Nhung**	28/01/2004		7,2	bảy hai	C24TC2	
12	2210120009	Võ Thị Hồng	**Nhung**	06/12/2003		6,0	Sáu không	C24TC1	
13	2210120016	Nguyễn Như	**Phương**	07/05/2001		9,2	Chín hai	C24TC1	
14	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	**Phương**	29/03/2004		7,6	bảy sáu	C24TC2	
15	2210120049	Đỗ Ngọc	**Quỳnh**	27/12/2004		8,4	Tám bốn	C24TC2	
16	2210120025	Hồ Bích	**Quỳnh**	12/07/2004		6,4	Sáu bốn	C24TC2	
17	2210120013	Trương Trúc	**Quỳnh**	26/08/2004		6,8	Sáu tám	C24TC1	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến	**Sương**	27/12/2004		3,6	Ba Sáu	C24TC1	
19	2210120035	Ngô Nhật Minh	**Tân**	27/10/2004		8,8	Tám tám	C24TC2	
20	2210120040	Phạm Quốc	**Thái**	08/03/2003		8,8	tám tám	C24TC2	
21	2210120038	Nguyễn Phúc	**Thông**	09/08/2003		5,6	Năm sáu	C24TC2	
22	2210010041	Lê Ngọc	**Thu**	16/04/2004		8,4	Tám bốn	C24TC1	
23	2210120046	Nguyễn Thị Anh	**Thư**	25/09/2004		7,6	bảy sáu	C24TC2	
24	2210120014	Phạm Minh	**Thư**	26/08/2004		6,8	Sáu tám	C24TC1	
25	2210120007	Trần Thị Thanh	**Thư**	23/10/2004		8,0	Tám không	C24TC1	
26	2210120018	Võ Ngọc Anh	**Thư**	15/09/2004		8,0	Tám không	C24TC1	
27	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	**Tiên**	29/11/2003		7,2	bảy hai	C24TC2	
28	2210120042	Hà Diễm	**Trang**	19/02/2004		6,4	Sáu bốn	C24TC2	
29	2210120033	Nguyễn Thị Kim	**Trang**	13/07/2004		5,6	Năm sáu	C24TC2	
30	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	**Trang**	12/09/2004		6,4	Sáu bốn	C24TC2	
31	2210120030	Phan Thị Hoài	**Trinh**	09/10/2004		7,6	bảy sáu	C24TC2	
32	2210120031	Phan Thị Thanh	**Tự**	28/11/2004		8,0	Tám không	C24TC2	
33	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	**Yên**	10/12/2004		7,2	bảy hai	C24TC2	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 14:31 19/09/2023

Tổng số sinh viên dự thi : 33 **vắng thi:** 40 **. Số bài thi:** 33 / 33 **.**

Số sinh viên đạt/không đạt:_____/_____ **Tỷ lệ đạt:**_____,____%

Ngày 28 *tháng* 9 *năm* 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 27 *tháng* 9 *năm* 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn M Luân

Ngày in: 14:31 19/09/2023

CAO ĐẲNG CTIM
KHOA KINH TẾ

DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM MÔN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
Học kỳ I năm học 2023-2024
MÃ ĐỀ: 1J1NJR, Giờ thi 09h30, ngày 14/11/2023, PM4

STT	Mã số SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm số	Mã lớp	Mã số câu sai: TTTC058	Chênh lệch	Tổng cộng điểm	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang Anh	09/11/2004	6,5	C24TC1	Sai	0,2	6,7	
2	2210120011	Trần Thị Loan Anh	30/11/2004	7,5	C24TC1	Đúng	0	7,5	
3	2210120024	Nguyễn Thị Cẩm	19/09/2004	5,8	C24TC2	Sai	0,2	6	
4	2210120029	Trần Thành Đạt	24/04/2004	4,5	C24TC2	Sai	0,2	4,7	
5	2210100015	Trần Thị Hồng Hải	05/05/2003	6,8	C24TC1	Đúng	0	6,8	
6	2210120019	Vương Quỳnh Hoa	27/06/2004	6,8	C24TC1	Đúng	0	6,8	
7	2210100123	Đặng Tấn Huy	14/06/2004	4,8	C24TC1	Sai	0,2	5	
8	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	5,2	C24TC1	Đúng	0	5,2	
9	2210120022	Quách Thị Kim Ngân	16/10/2004	7,2	C24TC2	Đúng	0	7,2	
10	2210120010	Nguyễn Thị Thanh Ngân	18/03/2004	6	C24TC1	Đúng	0	6	
11	2210120036	Phan Thị Hồng Nhung	28/01/2004	6,8	C24TC2	Sai	0,2	7	
12	2210120009	Võ Thị Hồng Nhung	06/12/2003	6,5	C24TC1	Đúng	0	6,5	
13	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ Phương	29/03/2004	7,2	C24TC2	Sai	0,2	7,4	
14	2210120016	Nguyễn Như Phương	07/05/2001	9,2	C24TC1	Đúng	0	9,2	
15	2210120025	Hồ Bích Quỳnh	12/07/2004	6,8	C24TC2	Đúng	0	6,8	
16	2210120013	Trương Trúc Quỳnh	26/08/2004	5,8	C24TC1	Đúng	0	5,8	
17	2210120049	Đỗ Ngọc Quỳnh	27/12/2004	6,8	C24TC2	Đúng	0	6,8	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến Sương	27/12/2004	5,8	C24TC1	Đúng	0	5,8	
19	2210120035	Ngô Nhật Minh Tân	27/10/2004	8,8	C24TC2	Đúng	0	8,8	
20	2210120040	Phạm Quốc Thái	08/03/2003	7,2	C24TC2	Đúng	0	7,2	
21	2210120038	Nguyễn Phúc Thông	09/08/2003	8,8	C24TC2	Đúng	0	8,8	
22	2210010041	Lê Ngọc Thu	16/04/2004	7,8	C24TC1	Đúng	0	7,8	
23	2210120014	Phạm Minh Thư	26/08/2004	7,8	C24TC1	Đúng	0	7,8	
24	2210120007	Trần Thị Thanh Thư	23/10/2004	6	C24TC1	Đúng	0	6	
25	2210120018	Võ Ngọc Anh Thư	15/09/2004	8,2	C24TC1	Đúng	0	8,2	
26	2210120046	Nguyễn Thị Anh Thư	25/09/2004	8,2	C24TC2	Đúng	0	8,2	
27	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	29/11/2003	5,5	C24TC2	Đúng	0	5,5	
28	2210120037	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/09/2004	6,5	C24TC2	Đúng	0	6,5	
29	2210120033	Nguyễn Thị Kim Trang	13/07/2004	7,5	C24TC2	Đúng	0	7,5	
30	2210120042	Hà Diễm Trang	19/02/2004	6,5	C24TC2	Đúng	0	6,5	
31	2210120030	Phan Thị Hoài Trinh	09/10/2004	8,8	C24TC2	Đúng	0	8,8	
32	2210120031	Phan Thị Thanh Tự	28/11/2004	6	C24TC2	Sai	0,2	6,2	
33	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt Yên	10/12/2004	7,8	C24TC2	Đúng	0	7,8	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Minh Luân

CAO ĐẲNG CTIM
KHOA KINH TẾ

DANH SÁCH ĐIỀU CHỈNH ĐIỂM MÔN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH
Học kỳ I năm học 2023-2024
MÃ ĐỀ: 1J1NJR, Giờ thi 09h30, ngày 14/11/2023, PM4

STT	Mã số SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm số	Mã lớp	Mã số câu sai: TTTC058	Chênh lệch	Tổng cộng điểm	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang Anh	09/11/2004	6,5	C24TC1	Sai	0,2	6,7	
2	2210120011	Trần Thị Loan Anh	30/11/2004	7,5	C24TC1	Đúng	0	7,5	
3	2210120024	Nguyễn Thị Cẩm	19/09/2004	5,8	C24TC2	Sai	0,2	6	
4	2210120029	Trần Thành Đạt	24/04/2004	4,5	C24TC2	Sai	0,2	4,7	
5	2210100015	Trần Thị Hồng Hải	05/05/2003	6,8	C24TC1	Đúng	0	6,8	
6	2210120019	Vương Quỳnh Hoa	27/06/2004	6,8	C24TC1	Đúng	0	6,8	
7	2210100123	Đặng Tấn Huy	14/06/2004	4,8	C24TC1	Sai	0,2	5	
8	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003	5,2	C24TC1	Đúng	0	5,2	
9	2210120022	Quách Thị Kim Ngân	16/10/2004	7,2	C24TC2	Đúng	0	7,2	
10	2210120010	Nguyễn Thị Thanh Ngân	18/03/2004	6	C24TC1	Đúng	0	6	
11	2210120036	Phan Thị Hồng Nhung	28/01/2004	6,8	C24TC2	Sai	0,2	7	
12	2210120009	Võ Thị Hồng Nhung	06/12/2003	6,5	C24TC1	Đúng	0	6,5	
13	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ Phương	29/03/2004	7,2	C24TC2	Sai	0,2	7,4	
14	2210120016	Nguyễn Như Phương	07/05/2001	9,2	C24TC1	Đúng	0	9,2	
15	2210120025	Hồ Bích Quỳnh	12/07/2004	6,8	C24TC2	Đúng	0	6,8	
16	2210120013	Trương Trúc Quỳnh	26/08/2004	5,8	C24TC1	Đúng	0	5,8	
17	2210120049	Đỗ Ngọc Quỳnh	27/12/2004	6,8	C24TC2	Đúng	0	6,8	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến Sương	27/12/2004	5,8	C24TC1	Đúng	0	5,8	
19	2210120035	Ngô Nhật Minh Tân	27/10/2004	8,8	C24TC2	Đúng	0	8,8	
20	2210120040	Phạm Quốc Thái	08/03/2003	7,2	C24TC2	Đúng	0	7,2	
21	2210120038	Nguyễn Phúc Thông	09/08/2003	8,8	C24TC2	Đúng	0	8,8	
22	2210010041	Lê Ngọc Thu	16/04/2004	7,8	C24TC1	Đúng	0	7,8	
23	2210120014	Phạm Minh Thư	26/08/2004	7,8	C24TC1	Đúng	0	7,8	
24	2210120007	Trần Thị Thanh Thư	23/10/2004	6	C24TC1	Đúng	0	6	
25	2210120018	Võ Ngọc Anh Thư	15/09/2004	8,2	C24TC1	Đúng	0	8,2	
26	2210120046	Nguyễn Thị Anh Thư	25/09/2004	8,2	C24TC2	Đúng	0	8,2	
27	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	29/11/2003	5,5	C24TC2	Đúng	0	5,5	
28	2210120037	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/09/2004	6,5	C24TC2	Đúng	0	6,5	
29	2210120033	Nguyễn Thị Kim Trang	13/07/2004	7,5	C24TC2	Đúng	0	7,5	
30	2210120042	Hà Diễm Trang	19/02/2004	6,5	C24TC2	Đúng	0	6,5	
31	2210120030	Phan Thị Hoài Trinh	09/10/2004	8,8	C24TC2	Đúng	0	8,8	
32	2210120031	Phan Thị Thanh Tự	28/11/2004	6	C24TC2	Sai	0,2	6,2	
33	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt Yên	10/12/2004	7,8	C24TC2	Đúng	0	7,8	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG KHOA

GIẢNG VIÊN

Nguyễn Minh Luân

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2023-2024

Môn học : Thị trường tài chính - MH1104204
Mã lớp học phần: MH110420401 **Số tín chỉ: 2**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Minh Luân
Ngày thi: 14/11/2023 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 4**

Giám thị 1: Ng Tiến Dũng Ký tên:
Giám thị 2: Thuỷ Thị Linh Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang	Anh	09/11/2004			6,7	Sáu bảy	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan	Anh	30/11/2004			7,5	Bảy năm	C24TC1	
3	2210120024	Nguyễn Thị	Cẩm	19/09/2004			6,0	Sáu không	C24TC2	
4	2210120029	Trần Thành	Đạt	24/04/2004			4,7	Bốn bảy	C24TC2	
5	2210100015	Trần Thị Hồng	Hải	05/05/2003			6,8	Sáu tám	C24TC1	
6	2210120019	Vương Quỳnh	Hoa	27/06/2004			6,8	Sáu tám	C24TC1	
7	2210100123	Đặng Tấn	Huy	14/06/2004			5,0	Năm không	C24TC1	
8	2210120015	Trần Tấn	Nam	14/04/2003			5,2	Năm hai	C24TC1	
9	2210120010	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	18/03/2004			6,0	Sáu không	C24TC1	
10	2210120022	Quách Thị Kim	Ngân	16/10/2004			7,2	Bảy hai	C24TC2	
11	2210120036	Phan Thị Hồng	Nhung	28/01/2004			7,0	Bảy không	C24TC2	
12	2210120009	Võ Thị Hồng	Nhung	06/12/2003			6,5	Sáu năm	C24TC1	
13	2210120016	Nguyễn Như	Phương	07/05/2001			9,2	Chín hai	C24TC1	
14	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ	Phương	29/03/2004			7,4	Bảy bốn	C24TC2	
15	2210120049	Đỗ Ngọc	Quỳnh	27/12/2004			6,8	Sáu tám	C24TC2	
16	2210120025	Hồ Bích	Quỳnh	12/07/2004			6,8	Sáu tám	C24TC2	
17	2210120013	Trương Trúc	Quỳnh	26/08/2004			5,8	Năm tám	C24TC1	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến	Sương	27/12/2004			5,8	Năm tám	C24TC1	
19	2210120035	Ngô Nhật Minh	Tân	27/10/2004			8,8	Tám tám	C24TC2	
20	2210120040	Phạm Quốc	Thái	08/03/2003			7,2	Bảy hai	C24TC2	
21	2210120038	Nguyễn Phúc	Thông	09/08/2003			8,8	Tám tám	C24TC2	
22	2210010041	Lê Ngọc	Thu	16/04/2004			7,8	Bảy tám	C24TC1	
23	2210120046	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/09/2004			8,2	Tám hai	C24TC2	
24	2210120014	Phạm Minh	Thư	26/08/2004			7,8	Bảy tám	C24TC1	
25	2210120007	Trần Thị Thanh	Thư	23/10/2004			6,0	Sáu không	C24TC1	
26	2210120018	Võ Ngọc Anh	Thư	15/09/2004			8,2	Tám hai	C24TC1	
27	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	29/11/2003			5,5	Năm năm	C24TC2	
28	2210120042	Hà Diễm	Trang	19/02/2004			6,5	Sáu năm	C24TC2	
29	2210120033	Nguyễn Thị Kim	Trang	13/07/2004			7,5	Bảy năm	C24TC2	
30	2210120037	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12/09/2004			6,5	Sáu năm	C24TC2	
31	2210120030	Phan Thị Hoài	Trinh	09/10/2004			8,8	Tám tám	C24TC2	
32	2210120031	Phan Thị Thanh	Tự	28/11/2004			6,2	Sáu hai	C24TC2	
33	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt	Yên	10/12/2004			7,8	Bảy tám	C24TC2	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

- **Tổng số sinh viên dự thi :** 38 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 38 / 38 .
- **Số sinh viên đạt:** _____ **Tỷ lệ đạt:** _____ **%**

Ngày 18 *tháng* 11 *năm* 2023
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 17 *tháng* 11 *năm* 2023
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Luận

TRƯỜNG CĐ BC
PH
KHẢO THÍ VÀ

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2023-2024

Môn học: Thị trường tài chính
Mã bài thi: 1J1NJR
Thời gian thi: 14/11/2023 09:30:00
Thời gian kết thúc: 14/11/2023 10:30:00

Giám thị 1: Nguyễn Trần Bích Ký tên:
Giám thị 2: Trần Thị Hồng Hải Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100131	Nguyễn Trang Anh	09/11/2004		6.5	Sáu, năm	C24TC1	
2	2210120011	Trần Thị Loan Anh	30/11/2004		7.5	Bảy, năm	C24TC1	
3	2210120024	Nguyễn Thị Cẩm	19/09/2004		5.8	Năm, tám	C24TC2	
4	2210120029	Trần Thành Đạt	24/04/2004		4.5	Bốn, năm	C24TC2	
5	2210100015	Trần Thị Hồng Hải	05/05/2003		6.8	Sáu, tám	C24TC1	
6	2210120019	Vương Quỳnh Hoa	27/06/2004		6.8	Sáu, tám	C24TC1	
7	2210100123	Đặng Tấn Huy	14/06/2004		4.8	Bốn, tám	C24TC1	
8	2210120015	Trần Tấn Nam	14/04/2003		5.2	Năm, hai	C24TC1	
9	2210120022	Quách Thị Kim Ngân	16/10/2004		7.2	Bảy, hai	C24TC2	
10	2210120010	Nguyễn Thị Thanh Ngân	18/03/2004		6	Sáu	C24TC1	
11	2210120036	Phan Thị Hồng Nhung	28/01/2004		6.8	Sáu, tám	C24TC2	
12	2210120009	Võ Thị Hồng Nhung	06/12/2003		6.5	Sáu, năm	C24TC1	
13	2210120023	Nguyễn Trần Mỹ Phương	29/03/2004		7.2	Bảy, hai	C24TC2	
14	2210120016	Nguyễn Như Phương	07/05/2001		9.2	Chín, hai	C24TC1	
15	2210120025	Hồ Bích Quỳnh	12/07/2004		6.8	Sáu, tám	C24TC2	
16	2210120013	Trương Trúc Quỳnh	26/08/2004		5.8	Năm, tám	C24TC1	
17	2210120049	Đỗ Ngọc Quỳnh	27/12/2004		6.8	Sáu, tám	C24TC2	
18	2210120005	Nguyễn Thị Yến Sương	27/12/2004		5.8	Năm, tám	C24TC1	
19	2210120035	Ngô Nhật Minh Tân	27/10/2004		8.8	Tám, tám	C24TC2	
20	2210120040	Phạm Quốc Thái	08/03/2003		7.2	Bảy, hai	C24TC2	
21	2210120038	Nguyễn Phúc Thông	09/08/2003		8.8	Tám, tám	C24TC2	
22	2210010041	Lê Ngọc Thu	16/04/2004		7.8	Bảy, tám	C24TC1	
23	2210120014	Phạm Minh Thư	26/08/2004		7.8	Bảy, tám	C24TC1	
24	2210120007	Trần Thị Thanh Thư	23/10/2004		6	Sáu	C24TC1	
25	2210120018	Võ Ngọc Anh Thư	15/09/2004		8.2	Tám, hai	C24TC1	
26	2210120046	Nguyễn Thị Anh Thư	25/09/2004		8.2	Tám, hai	C24TC2	
27	2210120039	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	29/11/2003		5.5	Năm, năm	C24TC2	
28	2210120037	Nguyễn Thị Thùy Trang	12/09/2004		6.5	Sáu, năm	C24TC2	
29	2210120033	Nguyễn Thị Kim Trang	13/07/2004		7.5	Bảy, năm	C24TC2	
30	2210120042	Hà Diễm Trang	19/02/2004		6.5	Sáu, năm	C24TC2	
31	2210120030	Phan Thị Hoài Trinh	09/10/2004		8.8	Tám, tám	C24TC2	
32	2210120031	Phan Thị Thanh Tự	28/11/2004		6	Sáu	C24TC2	
33	2210120041	Huỳnh Phan Thị Nhựt Yên	10/12/2004		7.8	Bảy, tám	C24TC2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 33 **Số sinh viên đạt: 33**

Ngày 18 tháng 11 năm 2023
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Mỹ

Ngày 17 tháng 11 năm 2023
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Minh Luận